

PHẦN MỞ ĐẦU

1. Lý do chọn đề tài

1.1. Trong di sản văn học dân tộc, truyện thơ Nôm chiếm vị trí quan trọng hàng đầu, lại giàu tính đặc trưng của văn học và văn hóa Việt Nam.

Việc nghiên cứu riêng lẻ một số truyện thơ Nôm thường mang lại thích thú cho việc cảm thụ nghệ thuật ngôn từ, phát hiện sáng tạo nghệ thuật của tác giả. Tuy nhiên, khi va chạm những tồn nghi văn bản học, những cảm xúc ấy dễ trở nên trừu tượng đơn thuần. Trong khi đó, chính thể loại mới là yếu tố đã định hình bền vững. Đặc trưng và diễn trình thể loại **có khả năng cung cấp những vấn đề diễn trình nội tại của văn học dân tộc, biểu thị bản sắc, bản lĩnh văn hóa dân tộc, một cách khách quan**, lại ít được quan tâm nghiên cứu đúng mức.

Với truyện thơ Nôm, cần có quyết tâm đầu tư xác lập và vận dụng một phương pháp nghiên cứu khoa học phù hợp cho di sản văn học dân tộc. Tập trung khai thác những vấn đề về thể loại và đặc trưng thể loại, dưới góc nhìn văn hóa (thiên về tiếp biến văn hóa), đối với văn học Việt Nam, là thuận lợi hơn cả.

2. Lịch sử nghiên cứu vấn đề

Mở đầu cho việc nghiên cứu về thể loại truyện thơ Nôm là phần viết về “Truyện thơ Nôm khuyết danh” trong *Sơ thảo lịch sử văn học Việt Nam* của Nguyễn Hồng Phong. Năm 1962, Lê Hoài Nam đã đặt ra những vấn đề mới mẻ, có tính gợi mở cho việc nghiên cứu truyện Nôm so với trước đó và sau này trong *Giáo trình Lịch sử văn học Việt Nam, Tập III*, soạn chung với Lê Trí Viễn, Phan Côn, Đặng Thanh Lê và Phạm Văn Luận. Lê Hoài Nam còn có nhận định rất xác đáng về truyện Nôm: “Đó là những sáng tác văn học hầu hết có tính chất **“trung thiên tiểu thuyết, và viết bằng thể thơ lục bát”**”. Chỉ sau đó ít năm, năm 1965, Phạm Thế Ngũ trong *Việt Nam văn học sử giản ước tân biên* đã đề cập đến vấn đề nguyên tác của những sáng tác Nôm qua hiện trạng văn bản, công tác phiên âm. Ông đã có những so sánh chí lý về nhiều phương diện giữa văn Hán và văn Nôm. Đặc biệt, trong chương III nói về những thể loại văn Nôm, ông đã có những suy luận về việc dẫn đến **sự ra đời của “loại truyện Nôm” và môi trường văn hóa chung quanh hiện tượng này trong dòng chảy văn học Việt**. Hơn 10 năm sau, bộ *Lịch sử văn học Việt Nam* của nhà xuất bản Đại học và Trung học chuyên nghiệp đã dành cho việc nghiên cứu “Văn học dân gian” hơn 800 trang (khổ 13 x 19) do hai tác giả Đinh Gia Khánh và Chu Xuân Diên biên soạn. Phần “Văn học dân gian” chia thành hai tập, soạn từ năm 1972, in năm 1977. Phần “Những đặc trưng của văn học dân gian” đề cập đến **“tính tập thể trong văn học dân gian”** [46, tr.49 - 56] và vấn đề “tâm lý sáng tạo tập thể trong văn học dân gian” [46, tr.57 - 76] đã gợi mở nhiều ý tưởng cho luận án này.

Nguyễn Lộc, trong *Văn học Việt Nam nửa cuối thế kỷ XVIII, nửa đầu thế kỷ XIX, Tập II*, đã thể hiện khá rõ quan điểm phân loại cho tập hợp truyện thơ Nôm: hữu danh (phần lớn là truyện Nôm bác học) và khuyết danh (hầu hết truyện Nôm bình dân). Trong luận án tiến sĩ, N.I.Niculin đã nghiên cứu tiến trình phát triển văn học Việt Nam theo phương pháp loại hình. Nhà nghiên cứu đã ghi nhận được các đặc điểm và quy luật chung trong sự phát triển của văn học Việt Nam “độc lập đối với tác động trực tiếp của văn hóa Trung Quốc”. Sự độc lập ấy là hệ quả của “mối quan hệ tương hỗ bên trong khu vực văn hóa Viễn Đông”. Vấn đề giàu ý nghĩa mà Niculin đã nhận ra là: Thể loại truyện

thơ là **thể loại quan trọng của truyền thống văn học Đông Nam Á**. Đặng Thanh Lê với công trình *Truyện Kiều và thể loại truyện Nôm* đã “Góp phần khẳng định những giá trị lớn lao của Truyện Kiều, cũng như giải thích những nền tảng “chung loại” của thành tựu ấy trong mối quan hệ giữa nhà văn và đội ngũ, giữa tác phẩm và thể loại”. Chuyên luận tìm hiểu truyện Nôm theo trình tự quen thuộc: từ quan điểm sáng tác, nguồn gốc đề tài, cốt truyện, chủ đề và tư tưởng triết lý; đến một số vấn đề trong nghệ thuật xây dựng nhân vật, vấn đề thể loại và ngôn ngữ thi ca. Trước đó, từ một hướng nghiên cứu ngược lại, để nhận ra phong cách đặc thù của Nguyễn Du, Phan Ngọc đã đối chiếu, so sánh nhiều dạng đặc điểm nội dung và nghệ thuật của *Truyện Kiều* với những đặc điểm tương ứng, có tính hệ thống của thể loại tự sự và của cả một số thể loại khác, trong dòng chảy lịch sử văn học. Có điều kiện tham khảo tư liệu và kiên trì tìm hiểu thể loại truyện thơ Nôm hơn cả là Kiều Thu Hoạch. Công trình *Truyện Nôm – nguồn gốc và bản chất thể loại* tuy không đồ sộ, nhưng là công trình chuyên khảo độc nhất từ trước đến nay về thể loại truyện thơ Nôm, được in thành sách. Trần Đình Sử trong *Giáo trình thi pháp học* đã bước đầu khái quát đặt ra vấn đề thi pháp thể loại với giới nghiên cứu trong nước. Vấn đề này được vận dụng cụ thể qua công trình *Mấy vấn đề thi pháp văn học trung đại*, có hàm ý bổ sung ít nhiều cho công trình nghiên cứu của N.I.Niculin.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

Đối tượng chính mà đề tài này tập trung nghiên cứu là toàn bộ di sản truyện thơ Nôm của dân tộc Việt thế kỷ XVIII - XIX, xét về thể loại, dưới góc nhìn văn hóa.

4. Phương pháp nghiên cứu

Do tính chất của đề tài, luận án đã vận dụng các phương pháp nghiên cứu sau:

- Phương pháp nghiên cứu liên ngành: văn học – văn hóa dân gian và văn hóa học; bao gồm phương pháp nghiên cứu thi pháp lịch sử và lịch sử văn hóa.
- Phương pháp nghiên cứu văn bản: các nguyên tác bằng chữ Nôm, chữ Quốc ngữ (cũ và mới).
- Phương pháp nghiên cứu lịch sử - xã hội: vì truyện thơ Nôm là sản phẩm của một điều kiện lịch sử - xã hội nhất định.

5. Những đóng góp mới của luận án

Phần đóng góp của luận án, trước hết và có tính khái quát, chính là mở ra việc vận dụng một số thao tác nghiên cứu đa dạng mà thống nhất, trong sự phối kết những phương pháp nghiên cứu văn học – phù hợp với đối tượng nghiên cứu là những tác phẩm văn học có nhiều tồn nghi nan giải về văn bản nguyên tác. Tìm hiểu truyện thơ Nôm với tính cách thể loại là tìm hiểu những quy định tự thân của khuôn khổ nghệ thuật thể loại, chỉ phối cá tính sáng tạo của chủ thể sáng tạo tác phẩm thể loại. Luận án phát hiện một số dạng thức, kiểu thức tồn tại thường xuyên trên nhiều tác phẩm thể loại truyện thơ Nôm, và xem đó như là những kiểu dáng bên ngoài (formalité extrinsèque) để biểu thị cho những kiểu dáng tính cách ý thức thường trực hàm ẩn bên trong (formalité intrinsèque) tác phẩm thể loại.

6. Cấu trúc của luận án

Ngoài phần Mở đầu, Kết luận, Tài liệu tham khảo và Phụ lục, trọng tâm của luận án gồm có 3 chương, được phân ra như sau:

Chương 1: Truyện thơ Nôm – cội nguồn văn hóa và diễn trình thể loại

Chương 2: Ý nghĩa văn hóa qua dạng thức tính cách nhân vật của thể loại truyện thơ Nôm

Chương 3: Ý nghĩa văn hóa qua phương tiện, phương thức biểu đạt của thể loại truyện thơ Nôm

Với kết cấu này, chương một là chương nền, trình bày những vấn đề về thể loại, nguồn gốc hình thành và diễn biến của truyện thơ Nôm từ góc nhìn văn hóa. Chương hai, chương ba luận án sẽ đi sâu tìm hiểu những đặc trưng cụ thể của truyện thơ Nôm về nội dung và phương tiện biểu đạt, dưới góc nhìn văn hóa.

PHẦN NỘI DUNG

CHƯƠNG 1

TRUYỆN THƠ NÔM - CỘI NGUỒN VĂN HÓA VÀ DIỄN TRÌNH THỂ LOẠI

1.1 VẤN ĐỀ THỂ LOẠI VĂN HỌC VÀ ĐỊNH HƯỚNG TIẾP CẬN

Thể loại có thể khởi xướng từ một cá thể hoặc một nhóm sáng tạo văn chương cùng yêu cầu về phương thức biểu đạt. Tuy nhiên, sự chuyển hóa định hình chính thể loại thường có tính cộng đồng. Sự tồn tại và phổ cập của thể loại phải phù hợp với nhận thức xã hội và nhu cầu thẩm mỹ của cộng đồng sáng tạo – cảm thụ văn học.

1.1.1 Vấn đề thể loại truyện thơ Nôm

Ở đây, trước tiên, phải giải quyết vấn đề nhận diện thể loại truyện thơ Nôm, từ một tập hợp tác phẩm được quen gọi truyện Nôm, truyện thơ, truyện thơ Nôm. “Truyện thơ Nôm” là cách gọi có cân nhắc, tổng hợp hai tên gọi trên. Luận án chọn tên gọi này vì muốn thể hiện sự quan tâm đầy đủ các thành tố **thể loại** và **ngôn ngữ biểu đạt** mà trong sự phối hợp tương tác sẽ hình thành những đặc trưng của một khuôn khổ nghệ thuật. Trong *Cổ xúy nguyên âm*, Đông Châu Nguyễn Hữu Tiến bước đầu nhận diện thể loại truyện thơ Nôm, gọi là “lời” văn tương tự với *Kim Vân Kiều*, viết theo thể lục bát. *Việt Hán văn khảo* của Phan Kế Bính xếp các thể văn vần của dân tộc vào **ca ngâm khúc điệu** chứ không phải là **thơ** (theo quan niệm văn học Trung Quốc). Riêng *Quốc văn cụ thể* của Bùi Kỳ, ở thiên I, bàn về **các thể của Việt văn**, đã mạnh dạn khẳng định: đó là “lời văn riêng của ta mà Tàu không có. Lời văn này có thể lục bát, song thất lục bát và các biến thể của hai thể ấy.” Trần Trọng Kim đến lúc soạn *Việt Thi* (1946), mới khẳng định: “Thơ riêng của Việt văn có hai thể hay dùng hơn cả là thể lục bát và thể song thất lục bát”, khác với thơ Hán văn về “thể tài” và “cách gieo vần”. Dương Quảng Hàm trong *Quốc văn trích diễm* (1935), soạn theo chương trình Việt văn trong các trường sư phạm và cao đẳng tiểu học lúc bấy giờ, đã có sự đánh đồng *Chinh phụ ngâm* với *Kim Vân Kiều*, *Lục Vân Tiên*, *Hoa Tiên*, ... xem như cùng một thể loại truyện Nôm.

1.1.2 Định hướng văn hóa trong việc tiếp cận truyện thơ Nôm

Từ nguồn cội xa xưa, văn học (văn chương) đã là một thành phần trong sự tích hợp nên văn hóa và chịu tác động của văn hóa. Trong sự đa dạng của nhiều phương pháp, phương thức, thao tác, ... nghiên cứu từ bên ngoài, thời đổi mới và tiếp tục hoàn thiện đổi mới. Chính việc xem xét văn học Việt Nam – nhất là văn học cổ - chú mục vào sự tương tác giữa đời sống văn hóa và tác phẩm, tác giả văn học, là con đường dễ hướng tới phát hiện khoa học những vấn đề văn học mới mẻ, lý thú mà vẫn gắn gũi với nhận thức văn học đã trở thành truyền thống quen thuộc của dân tộc Việt ngày nay. Để xác định rõ, luận án này buộc phải tạm chấp nhận: văn hóa là một hệ thống giá trị nhận thức của cộng đồng, tồn tại tương đối bền vững, biểu hiện thành thái độ và phương thức ứng xử của con người đối với bản thân và đối với tha nhân, tha vật vào một thời kỳ lịch sử nhất định.

1.2. Ý NGHĨA VĂN HÓA TỪ CỘI NGUỒN VÀ DIỄN TRÌNH THỂ LOẠI

1.2.1 Sự phát triển của yếu tố tự sự trong di sản văn học viết của người Việt - Kinh

1.2.1.1 Sự hình thành và phát triển của văn xuôi tự sự chữ Hán thế kỷ XIII - XV

Thiên uyển tập anh được xem là tác phẩm có yếu tố tự sự cổ nhất của dân tộc Việt còn lưu lại văn bản. Đây là tập truyện ký truyền đăng lục, được ghi chép bởi nhiều thế hệ thiên sư vào thế kỷ XII – XIII. Những mẫu cổ tích trong *An Nam chí lược* của Lê Tắc, ghi chép khá sớm (vào khoảng 1285 – 1307) và khá đơn giản, vụn vặt. *Việt điện u linh* là một tập hợp thần tích liên quan đến nhân vật lịch sử, được thực hiện khoảng giữa của nửa đầu thế kỷ XIV (vào khoảng 1329?). Những đoạn có tính truyền thuyết lịch sử trong *Việt sử lược*, hoàn thành khoảng cuối thế kỷ XIV (vào khoảng 1377 – 1388?). Ngòi bút Nho gia tỉnh táo, vào khi đất nước thu hồi độc lập dân tộc khoảng 300 năm, đã có ý thức tái hiện không khí thần thiêng thời mở nước đã tác động đến việc bảo tồn đất nước, với cảm hứng sáng tạo nghệ thuật, đầy ắp niềm tự hào “văn hiến chi bang”. Đặc biệt *Lĩnh Nam chích quái*, mang ý thức suy nguyên lịch sử dân tộc, đã tập hợp có sáng tạo nhiều thần thoại và truyền thuyết quan trọng. Thời điểm ra đời của sách còn nhiều ức thuyết – sớm nhất cũng từ giữa thế kỷ XIV (khoảng 1341 – 1407?).

1.2.1.2 Thành tựu nghệ thuật của văn xuôi tự sự bằng chữ Hán thế kỷ XVI

Do chịu sự tiếp biến văn hóa cưỡng chế đặc thù, người Việt đã phải khởi đầu chép truyện bằng phương tiện ngôn ngữ – văn tự ngoại lai. Về nội dung, tính dân tộc có thể xác định qua cảm hứng sáng tác, xuất phát từ nhu cầu bức thiết của dân tộc trong từng giai đoạn lịch sử. Về hình thức **thể** và **loại**, các trí thức sĩ phu dân tộc Việt, khi chép truyện, đã hình thành một xu thế tự điều tiết các mô hình du nhập ngoại lai, sao cho phù hợp với khả năng tiếp thu và sở thích diễn đạt của một bộ phận dân tộc thời ấy.

1.2.1.3 Những thể nghiệm của thể loại truyện thơ Nôm Đường luật

Phải nhắc lại trường hợp ra đời và ít được quần chúng quan tâm của *Hương miệt hành* để thấy rõ yêu cầu chuyển ngữ, đòi hỏi trả lại ngôn ngữ Việt cho sự phát triển thể loại truyện của dân tộc. Một sự “đòi hỏi trả lại” bằng cách “**hỗn dung – tiếp biến – thể nghiệm sáng tạo**” đặc thù của văn hóa dân tộc Việt. Nền văn hóa phải thường xuyên tự phát hiện **điểm mạnh trong thế yếu** của mình, đang có nhu cầu tự khẳng định, đòi hỏi được biểu đạt với độ chuẩn xác cao hơn, bằng ngôn ngữ - văn tự dân tộc.

Sự ra đời của thể loại **truyện Nôm** sáng tác bằng thể thơ Đường luật là một thể nghiệm sáng tạo, nhằm giải quyết yêu cầu cấp thiết nói trên.

1.2.2 Sự phát triển thể thơ có yêu vận – phương tiện biểu đạt thể loại truyện thơ Nôm

1.2.2.1 Thơ ca Trung Quốc không có yêu vận

Trong các thể thơ ca Trung Quốc, từ cổ phong, cổ thể đến cận thể thơ luật Đường, số tiếng, số câu, niêm luật, đối, kết cấu, tuy có nhiều quy định mới, nghiêm ngặt, rõ ràng; nhưng trước sau, vẫn chỉ là cước vận.

1.2.2.2 Dạng thể thơ ca các dân tộc miền Bắc Việt Nam: Tày, Nùng ...

Quả là đã có một hiện tượng hỗn dung rất hồn nhiên, ngay từ thanh vận trong ngữ âm của các dân tộc Việt anh em. Ngôn ngữ Việt, tiếp biến lâu dài với ngôn ngữ Trung Quốc đã tiếp nhận sự

phân biệt này. Việc hình thành hai thể thơ: song thất lục bát và lục bát có cội nguồn từ đó.

1.2.2.3 *Dạng thể thơ ca các dân tộc miền Nam Việt Nam: Chăm, Khmer, ...*

Con đường Nam tiến của người Việt, từ nửa sau thế kỷ XI xét về mặt văn hóa, lại là **sự trở về với bản sắc bản địa vốn có của dân tộc**, thuộc cư dân Đông Nam Á, chịu chi phối bởi các điều kiện tiếp biến đương thời. Dĩ nhiên, trong quá trình hoàn chỉnh dạng thức các thể thơ lục bát, song thất lục bát, ... dân tộc Việt còn chịu tác động đều khắp nhiều yếu tố văn học dân tộc anh em (từ Tày, Nùng, Thái, Lào đến Chăm, Khmer ...), khi tiếp biến, xử lý các yếu tố văn học ngoại lai phương Bắc, liên quan đến thanh, vận, tiết tấu

1.2.2.4 *Quá trình diễn phạm hóa các thể thơ Việt: lục bát và song thất lục bát*

- Từ đầu thế kỷ XVI, với *Bát giáp thưởng đào văn*, các thể thơ dân tộc đã định dạng song thất lục bát và lục bát hỗn dung, có điều phối thanh, vận, đối khá chỉnh chu, do các trí thức Nho gia kinh kỳ, vốn chịu ảnh hưởng những quy cách nghiêm túc thơ ca Trung Quốc ngoại nhập.

- Trong khi đó, đến giữa thế kỷ XVI, với *Đào nguyên hành*, thể thơ lục bát Việt mang dáng nét ban sơ, tồn tại ở phía Nam địa bàn lập quốc của dân tộc, vẫn đậm đà vết tích thơ ca bản địa Đông Nam Á, giàu sức sống giữa lòng quần chúng bình dân.

- Đến cuối thế kỷ XVI, xu thế quy cách hóa các thể thơ ca dân tộc của giới trí thức sĩ phu, có phương tiện chữ viết hỗ trợ, đã hoàn thành chỉnh thể thơ lục bát. Trong việc hình thành các thể thơ dân tộc Việt, yếu tố vận lưng là yếu tố đặc trưng cơ bản có tính cội nguồn bản địa. Yếu tố ngữ âm Việt là yếu tố tác động quy cách hóa, có tính lịch sử tiếp biến văn hóa.

1.3 *THIÊN NAM NGŨ LỤC* – TÁC PHẨM ĐIỂN PHẠM ĐẦU TIÊN CỦA THỂ LOẠI TRUYỆN THƠ NÔM

Thiên Nam ngữ lục đánh dấu một bước tiến khá đồng bộ giữa thể thơ dân tộc ngày càng quy cách hóa và loại văn tự sự dân tộc dần trở nên thành thạo các biện pháp hư cấu nghệ thuật. Văn học Việt đã đạt được một trong những thành quả bước đầu của sự phối kết giữa những quy định nội dung thể loại tự sự Trung Hoa với sự quy cách hóa phương tiện biểu đạt, từ thể thơ có vận Đông Nam Á bản địa.

CHƯƠNG 2

Ý NGHĨA VĂN HÓA QUA DẠNG THỨC TÍNH CÁCH NHÂN VẬT CỦA THỂ LOẠI TRUYỆN THƠ NÔM

2.1 TÍNH CÁCH “TRẠNG NGUYÊN” VÀ TÀI TỬ: MẪU NGƯỜI NAM NHÂN LÝ TƯỢNG

Thể giới thể loại truyện thơ Nôm thế kỷ XVIII – XIX đòi hỏi mẫu hình con người lý tưởng theo – tạm gọi là – dạng truyện “Trạng nguyên” và tài tử.

“Quan trạng” trong thể giới truyện thơ Nôm, dù là sáng tác hay phóng tác, “bác học” hay “bình dân” (trong *Song Tinh Bất Dạ* hay *Phạm Công Cúc Hoa*) đã trở thành một khái niệm riêng, xác định tính cách của một kiểu thức hình tượng nhân vật đặc thù.

Dạng thức “Trạng nguyên” trong truyện thơ Nôm để chỉ những tính cách hiếu thuận, nhân hậu, thủy chung, giàu tinh thần trách nhiệm; vượt khó vươn lên, khẳng định tài năng và đức độ của mình, trong cộng đồng các dân tộc; tiền vận gian khổ, hậu vận về vang. Đặc biệt nhân vật trạng nguyên

thường văn võ song toàn; chỉ học văn cũng giỏi võ. Đó là mẫu người lý tưởng trong thế giới truyện thơ Nôm; từ Song Tinh, Lâm Sanh, Châu Tuấn đến Lục Vân Tiên, Vương Tử Trực đều thuộc kiểu thức tính cách này.

Xét từ quan điểm “công lợi”, vì lợi ích cộng đồng dân tộc Việt, dạng thức “Trạng nguyên” đã đưa ra mẫu nam nhân lý tưởng, với những giá trị văn hóa có tác động hướng nội, để con người thế kỷ XVIII – XIX tự rèn luyện bản thân.

2.1.1 *Nét sáng “Song Tinh”: Long lanh văn hóa Việt*

- Đó là **con người có khả năng thực hiện tốt** mối quan hệ ứng xử với những người thân cận. Yêu cầu văn hóa của con người, mà truyện thơ Nôm đặt ra qua kiểu thức “**Song Tinh**” chính là khả năng xử lý hài hòa các mối quan hệ ấy.

- Ý thức trân trọng có tính văn hóa đối với đại cộng đồng dân tộc anh em; đồng thời thể hiện hành trình lập thân, tự khẳng định con người trong thế giới truyện thơ Nôm.

Nếu kiểu thức “Song Tinh” thực chất chỉ là khát vọng ổn định mọi mâu thuẫn đối kháng bằng phương thức phi bạo lực, tôn vinh giá trị văn hóa; thì quả tình, nó cũng không mấy xa lạ với kiểu thức “Biện sĩ thuyết khách”, như Yên Anh, Tô Tần, ... của Sách, Truyện Trung Hoa khác. Vấn đề là kiểu thức “Song Tinh” phải được xét trong hoàn cảnh lịch sử – văn hóa cụ thể của dân tộc Việt, để thấy được tính không chuyên của biện sĩ, hình thức thuyết phục đa dạng và đều có chất văn hóa (âm thanh tiếng đàn Thạch Sanh, sự tương dung giữa tình – lý riêng – chung ở Phạm Công, ...); kể cả thành phần giai cấp của những tác giả đã sử dụng kiểu thức này (từ nhà văn hóa Nam tiến, thuộc thành phần cốt cán quân phiệt đến quần chúng khuyết danh). Từ đó, kiểu thức “Song Tinh” mới là **nét văn hóa đặc trưng đời sống văn hóa lý tưởng của cộng đồng dân tộc Việt thời ấy**. Và cũng từ đó, kiểu thức “Song Tinh” góp phần nêu cao một **thái độ văn hóa đích thực** của dân tộc Việt, trên đường phát triển – tái hòa nhập với cộng đồng dân tộc Đông Nam Á nguồn cội. Nét sáng long lanh đã trở thành nguồn sáng soi định hướng phát triển văn hóa dân tộc – cho hôm nay và mai sau ... Để thực hiện đời sống văn hóa lý tưởng, thế giới nghệ thuật thể loại truyện thơ Nôm đã vạch ra hai con đường (nét ứng xử văn hóa bên trong – kiểu thức “Phạm Công” và bên ngoài – kiểu thức “Hoàng Trừu”), biểu lộ sự tinh táo trong cảm hứng sáng tạo nghệ thuật của cộng đồng dân tộc Việt.

2.1.2 *“Phạm Công”: Hành trình thể hiện văn hóa ứng xử trên đường Nam tiến*

Nhìn lại những cuộc hành trình liên quốc lập thân, để tự khẳng định tính cách nhân vật truyện thơ Nôm – có thể gọi là kiểu thức “Phạm Công” – người đọc dễ nhận ra: ở đây có sự liên thuộc với nét sáng “Song Tinh”.

Cuộc hành trình thử thách văn hóa của Phạm Công, trong thế giới truyện thơ Nôm, có mang theo nỗi mong muốn tìm được tiếng nói chung của cộng đồng dân tộc bản địa về kết quả tiếp biến văn hóa phương Bắc, mà dân tộc Việt, bị buộc phải nhận sứ mạng lịch sử, thay mặt cho cả cộng đồng mà hấp thụ.

Đáng lưu ý là kiểu thức hành trình “Phạm Công”, trong thế giới truyện thơ Nôm, chủ yếu vận dụng để hướng đến sự đồng cảm, đồng thuận những giá trị văn hóa đã được dân tộc Việt tiếp biến và du nhập vào đại cộng đồng dân tộc bản địa.

2.1.3 *“Hoàng Trừu”: Hành trình thể hiện văn hóa ứng xử đối với ngoại nhân*

Một biến thể khác của kiểu thức “Song Tinh” lại càng giúp ta khẳng định ý nghĩa của kiểu thức chính thể. Có thể tạm gọi biến thể đó là kiểu thức “Hoàng Trừu”. Thật ra, điều cần giải mã ở truyện thơ Nôm này chính là “**ngọn đèn khố ải**” mà công chúa nước Nam phải đội trên đầu để soi sáng

hoàng cung đất Bắc. Đó là ngọn đèn mang ánh sáng văn hóa phương Nam của những con người chon chắt, táo bạo mà thủy chung thắm thiết trong tình yêu và kiên trì vượt khó, tự tin trong bảo vệ phẩm chất văn hóa trong sáng của mình, không cho phép bất kỳ ai xâm phạm hay miệt thị. **Ngọn đèn khỏ ải là ngọn đèn hoa mừng thắng lợi, tôn vinh giá trị văn hóa dân tộc Việt, mong muốn đưa nét sáng “Song Tinh” soi về Bắc quốc.** Tính khỏ ải đòi hỏi sự kiên trì và tự tin cao độ. Và cuộc “**Hành trình văn hóa của Hoàng Trừu**” có đòi hỏi sự cảm thông, trân trọng lẫn nhau.

Với kiểu thức hành trình “Hoàng Trừu” của Truyện thơ Nôm, văn hóa Việt **đã thêm bước trưởng thành, tự nhận thức bản thân rõ hơn, có cân nhắc hơn.** Thêm vào đó, cuộc chiến chống xâm lược truyền đời đang ở giai đoạn tạm lụi xa, sự tự hào về văn hóa dân tộc **cũng phải cân nhắc diễn đạt cái thắng lợi trong thế yếu.** Ở đây còn là sự khát khao thắng lợi có ý thức sẵn sàng chấp nhận đấu tranh gay go, để khẳng định văn hóa của cộng đồng dân tộc.

Tuy nhiên, dù ở cuộc hành trình nào, **thắng lợi của văn hóa Việt, trong thế giới truyện thơ Nôm, vẫn là triệt để.** Với cộng đồng dân tộc Việt, đó là thắng lợi từ sự cảm hóa tự nhiên mà tự giác, qua hành trình “Phạm Công”. Với ngoại bang Bắc phương, đó là thắng lợi từ sự đấu tranh gay go, mà không kém phần tương kính để cảm hóa, qua hành trình Hoàng Trừu. Thái độ ứng xử biết người biết mình, “Hoàng Trừu” đánh dấu bước trưởng thành văn hóa Việt.

Cả ba kiểu thức “Song Tinh”, “Phạm Công”, “Hoàng Trừu” đã biểu hiện niềm tin vững vàng của dân tộc Việt thế kỷ XVIII – XIX đối với giá trị văn hóa. Niềm tin của một dân tộc dù khẳng định tương đối trễ muộn, nhưng đang rất đổi tự hào vì đã kiến tạo được cơ sở văn hóa của mình, giữa dòng đời không ngừng biến động. Niềm tin này đúng là không giống với nỗi khát khao góp nhặt chất chiu các giá trị văn hóa, trong thế giới truyện văn xuôi Hán – Việt và cả truyện thơ Nôm Đường luật trước đó

2.1.4 “*Lục Vân Tiên*”: *Đỉnh cao văn hóa ứng xử của người Việt phương Nam*

Bạo lực chiến tranh nội bộ trong cộng đồng các dân tộc Việt, do các tập đoàn phong kiến cầm quyền gây ra, có làm nhòe đi nét sáng “Song Tinh”; nhưng nét đó vẫn có đủ cường độ soi tỏ thế giới “Lục Vân Tiên” nơi tận vùng Lục tỉnh Nam kỳ, vào hậu bán thế kỷ XIX.

Dĩ nhiên, lúc này, lịch sử dân tộc vừa trải qua những cuộc chiến chống ngoại xâm, tái hiện từ biên giới phía Tây Nam và phía Bắc của tổ quốc. Thêm vào đó cái nguy cơ xâm lược từ phương Tây xa thẳm kéo tới. Nó đã có dấu hiệu mở đầu, bằng sự đe dọa xúc phạm đến văn hóa “Lục Vân Tiên”.

Cuối thế kỷ XVIII – đầu thế kỷ XIX, nơi đây đã hình thành một phức thể văn hóa vùng, trong dòng chảy văn hóa dân tộc Việt. Kiểu thức “Song Tinh” vẫn là định hướng văn hóa chủ lưu, theo cuộc hành trình “Phạm Công”, đã tiếp biến tự nhiên với văn hóa Minh Hương và văn hóa Đàng Thỏ¹. Phức thể văn hóa đã được phản ánh khá rõ nét, trong thế giới truyện thơ Nôm của cụ Đồ Chiểu, mà có người đã đề nghị gọi chung đó là văn hóa “Lục Vân Tiên”. Văn hóa “Lục Vân Tiên” vốn hình thành từ một mặt tiếp biến văn hóa của dân tộc Việt, đã từng kết tụ những thành tố văn hóa hội ngộ trên vùng đất cũ, đang hợp xây cuộc sống mới, trong hoàn cảnh lịch sử cụ thể, mà dân tộc Việt cơ bản vẫn có ưu thế về tổ chức ổn định.

Văn hóa “Lục Vân Tiên” ở đây được hiểu là kết quả tạm thời của cuộc tiếp biến tự nhiên của văn hóa Việt với hỗn hợp các thành tố văn hóa của cộng đồng cư dân Nam bộ khoảng hai thế kỷ. Gọi là văn hóa “Lục Vân Tiên” vì chính truyện thơ Nôm của cụ Đồ Chiểu đậm nét sử thi văn hóa Nam bộ đương thời.

¹ Cụm từ “Văn hóa Đàng Thỏ” để chỉ văn hóa cư dân bản địa Nam bộ. Ở đây, người sử dụng cụm từ này mong phục hồi sắc thái ngữ nghĩa thân thương của từ Đàng Thỏ, vốn đã bị chế độ thực dân xuyên tạc, gán cho sắc thái ngữ nghĩa miệt thị, để phân hóa dân tộc Việt với cư dân bản địa.

Văn hóa “Lục Vân Tiên” lại là một sơ kết văn hóa Nam bộ đúng mốc thời điểm lịch sử. Nó còn có ý nghĩa của một “cánh chim báo bão” của đời sống kinh tế, chính trị, và nhất là văn hóa dân tộc, ở một thời kỳ tiếp nối. Đã có người tìm hiểu những đặc điểm của văn hóa “Lục Vân Tiên”, chủ yếu căn cứ vào tác phẩm quen thuộc nhất của cụ Đồ: kiểu thức văn hóa này là cơ sở xã hội để hình thành mẫu người lý tưởng khỏe khoắn, bộc trực, đấu tranh không mệt mỏi cho trung, hiếu, tiết, nghĩa.

Tính cách mẫu người của văn hóa “Lục Vân Tiên” có nhiều nét tương chừng bất tương dung:

- Trọng văn mà chuộng võ, không **lập thân** được bằng đường này thì theo đường khác, với mục đích thực tiễn: có công hiển có hưởng thụ, rất dứt khoát và sòng phẳng (“Làm trai trong cõi người ta, Trước lo báo bổ sau là hiển vang”).

- Vừa hăm hở “Chí lăm bán nhận ven mây”, lại vừa “Cho rằng thông thả mặc chi vui lòng”.

- Vừa chen lấn trong thế giới hiện thực trần trụi đầy đủ những con người tốt xấu, bình thường và cụ thể (Quán, Ngư, Tiều, Lang băm, Thầy bói, Thầy pháp, ...); vừa hít thở không khí dày đặc thần linh huyền hoặc (Sơn thần, Giao thần, Du thần, Quan Âm, Phật bà, Ông Tiên, ... chiêm tinh, linh phủ, bói toán, thuốc tiên, tà thuật, ...).

2.2. TÍNH CÁCH LIỆT NỮ VÀ GIAI NHÂN – MẪU NGƯỜI PHỤ NỮ LÝ TƯỞNG

2.2.1 “*Hồng nhan bạc phận*”: *Quan niệm cổ hủ và thực tế truyện Nôm*

Trong văn học Việt Nam, đó là vấn đề trung tâm, dành cho những thiên ngâm khúc. Người phụ nữ trong truyện thơ Nôm, dù có nguồn gốc ngoại lai, một khi đối mặt với áp bức xã hội, trước những thách thức từ cuộc sống, hầu hết thường thể hiện một tính cách mạnh mẽ, rắn rỏi, phản kháng; lại vừa đồng thời đang chịu đựng, vừa kiên trì tìm giải pháp vượt thoát. Trong tình yêu, hôn nhân, tính cách ấy lại thường tỏ ra chủ động. Họ thường phản kháng quyết liệt, thường khi là bằng ngôn ngữ dân dã. Trong trường hợp gặp bế tắc, họ đang chu toàn trách nhiệm dở dang, trước khi chọn giải pháp quyên sinh. Có điều, họ luôn được cứu sống, để phù hợp với kiểu kết thúc “có hậu”.

Kiểu thức “*Hồng nhan bạc phận*”: *có hay không trong Đoạn trường tân thanh và cả trong thể giới truyện thơ Nôm* ? Cái kiểu thức “*Trời xanh quen thói má hồng đánh ghen*” vốn có tính nhân loại vĩnh cửu, vì có cơ sở liên thuộc quy luật tự nhiên, trước khi bị chi phối bởi các quan hệ xã hội. **Sự tồn tại ngẫu nhiên mà tiêu biểu được sắp xếp như “lập trình” của thể loại ngâm khúc, chủ yếu để triển khai kiểu thức về thân phận thiệt thòi của người phụ nữ, hằn bao hàm một thái độ văn hóa đặc thù dân tộc Việt, vào một giai đoạn lịch sử phát triển.** Nó không thuộc phạm vi nghiên cứu của đề tài này. Nhưng nó, chỉ với tư cách là một hiện tượng thể loại văn học, ở đây, cũng đã gợi mở cho đề tài này có điều kiện để xác định vấn đề: ***Thể loại truyện thơ Nôm có hay không có kiểu thức “hồng nhan bạc phận”, với nội dung tập trung lặp lại ý nghĩa phổ biến của kiểu thức ?***

2.2.2 “*Cải trang*”: *Ý thức bình đẳng giới*

Thật ra, nỗi thiệt thòi về giới tính thường biểu thị rõ nhất ở **kiểu thức “Cải trang”**. Đây là kiểu thức thể hiện khát vọng bình đẳng của phái yếu. Kiểu thức này rất đặc dụng trong thể giới truyện Trung Quốc, trong đó có nhiều truyện quen thuộc với dân tộc Việt: đi học cũng “Cải trang” (*Chúc Anh Đài*), đi lính cũng “Cải trang” (*Hoa Mộc Lan*), làm quan cũng “Cải trang” (*Mạnh Lệ Quân*) ... Kiểu thức “**Cải trang**” trong truyện thơ Nôm thường ảnh hưởng xa gần với cốt lõi ngoại lai được Việt hóa, dưới ngọn bút sĩ phu, ít mang phong cách dân dã.

Kiểu thức “**Cải trang**” trong truyện *Lưu nữ tướng* không hề có chút ý thức thương xót khách

mà hồng trong quan hệ xã hội. Có chăng, qua cái tròn trịa sắc tài và phẩm hạnh của người con gái, đã tiềm ẩn sự phản kháng cái bất cập giống phái của tự nhiên? Và, có chăng cái bất cập tự nhiên ấy mới đích thực mang ý nghĩa “Tạo vật đố hồng nhan”, nhưng chỉ sát hợp với người con gái vượt trội, so với người khác phái? Trong thế giới truyện thơ Nôm, phải chăng kiểu thức “**Cải trang**” chính là đã thay thế kiểu thức “**Hồng nhan bạc phận**”, biểu lộ dưới dạng tích cực, chấp nhận thách thức không khoan nhượng của cuộc sinh tồn? Do hoàn cảnh đấu tranh khắc nghiệt của dân tộc Việt – kể cả đấu tranh để xây dựng lại và xây dựng mới cơ sở văn hóa – hình tượng nhân vật được phản ánh trong thế giới truyện Nôm thường thiên trọng rạch ròi phân biệt giới tuyến tốt – xấu, theo tiêu chí thời đại lịch sử. Nó là một kết cuộc đã trở thành một dạng thức văn hóa nhận thức – ứng xử của dân tộc.

Có thể nói: kiểu thức “**Cải trang**” tự thân vốn mang ý nghĩa tích cực, chủ động vượt thoát hoàn cảnh. Kiểu thức này thường tạo ra những tình tiết hài hước, trào phúng; hài kịch nhiều hơn hẳn bi kịch. **Phát huy tính tích cực của kiểu thức “Cải trang”, đưa nhân vật nữ vượt qua tình huống bi kịch, chính là sự phủ định – có hoặc không có ý thức – đối với kiểu thức “hồng nhan bạc phận” và cả kiểu thức “tài mệnh tương đố”.** Đặc trưng kiểu thức “Cải trang” của thể loại truyện thơ Nôm là vậy.

2.2.3 “**Cống Hồ**”: *Bi kịch củ c đời và khát vọng sống của nữ giới*

Về sự thua thiệt thân phận phụ nữ, trong thể loại truyện thơ Nôm, kiểu thức “Cống Hồ” mới thật giàu thương cảm. Kiểu thức này xuất hiện từ truyện Nôm thơ Đường luật.

Truyện thơ Nôm Việt đã làm quen với đề tài truyện tích Trung Quốc từ những tác phẩm ghi chép sớm nhất: *Tô Công phụng sứ, Vương Tường*. Nhân dân còn tạo ra những truyền thuyết, thần tích để giải thích điều ấy, như là muốn chứng tỏ: **dân tộc Việt cùng có nhận thức về truyện tích, đồng thời với Trung Quốc; chứ không phải hoàn toàn hướng về Trung Quốc, bắt chước Trung Quốc.**

Kiểu thức “Cống Hồ” vốn được đặt vào một thế giới truyện đầy dối trá để thủ lợi. **Người phụ nữ bị “vật hóa”, trở thành công cụ, thành hàng hóa, thì cách duy nhất thể hiện quyền sống là tự do lựa chọn cái chết.** Đó là ý nghĩa của kiểu thức “Cống Hồ” của thể loại truyện thơ Nôm, ngay từ khởi điểm. Kiểu thức “Cống Hồ” chính danh, trong truyện thơ Nôm, không thật sự nhiều. Nó có biến thể, **bao gồm mọi tình trạng bi kịch “ép hôn” không lối thoát.** Bên cạnh nỗi bất hạnh của nhân vật nữ, luôn là một bề lũ kẻ xấu lộng hành, trong đó có thể có cả người thân thuộc. Do vậy, kiểu thức “Cống Hồ” luôn **đi kèm với một thái độ phản kháng có ý nghĩa văn hóa.**

Trong truyện thơ Nôm, kiểu thức “Cống Hồ” vốn thường được thể hiện rất nghiêm túc, công phu để nhân vật bộc lộ tính cách, trước vấn đề: “vật hóa hay không vật hóa”; nổi bật ở hai truyện *Nhị đ mai* và *Lục Vân Tiên*.

CHƯƠNG 3

Ý NGHĨA VĂN HÓA QUA PHƯƠNG TIỆN, PHƯƠNG THỨC BIỂU ĐẠT CỦA THỂ LOẠI TRUYỆN THƠ NÔM

3.1. SỰ PHÁT TRIỂN CỦA CÁC PHƯƠNG TIỆN SÁNG TẠO TRUYỆN THƠ NÔM

3.1.1 *Chữ Nôm – văn Nôm trong đời sống văn hóa dân tộc*

Chữ Nôm, với tư cách là một công cụ văn hóa, cũng lại là một sản phẩm tiếp biến văn hóa. Sản

phẩm ấy đáp ứng một yêu cầu văn hóa khẩn thiết của toàn dân tộc Việt. Nó chính là sáng tạo của tầng lớp trí thức Việt có tinh thần dân tộc.

Chữ Nôm, văn Nôm đã tồn tại như một phần sâu lắng trong tâm hồn người xưa. Người sáng tác văn Nôm và đích thân ghi chép hẳn là thuộc **thành phần ưu tú của xã hội – vừa giàu tính sáng tạo văn hóa, vừa giàu tinh thần dân tộc**. Không thể có sự miệt thị xã hội, đối với văn Nôm, ở trường hợp này.

Đa phần truyện thơ Nôm thế kỷ XVIII – XIX là khuyết danh tác giả. Chúng hình thành và tồn tại trải bao trăm trở. Họ tên tác giả dù còn hay không, **truyện thơ Nôm vẫn hiện hữu như một sáng tạo cộng đồng có tính văn hóa và bị thúc bách bởi nhu cầu xã hội, để xây nền văn hóa**. Dĩ nhiên, đó là sự xây dựng văn hóa có tính tiếp biến văn hóa đặc thù của dân tộc Việt.

Văn hóa Việt vốn thường xuyên ở vào thế yếu, thiếu sót và hụt hẫng. **Để tránh bị tha hóa, văn hóa Việt thường hướng những xung lực văn hóa ngoại lai làm đối trọng lẫn nhau tạo sự cân đối điều hòa hoặc hỗn dung trì hoãn, để chất lọc tiếp biến văn hóa với những yếu tố có lợi ích cho sự tồn tại và phát triển của dân tộc mình**. Thể loại truyện thơ Nôm thế kỷ XVIII – XIX đã hình thành và phát triển như một hiện tượng tiếp biến văn hóa đặc thù của dân tộc Việt, trong hoàn cảnh lịch sử cụ thể cần thiết của nó.

Thể loại truyện thơ Nôm là một kết quả tích cực và tất yếu của hiện tượng hỗn dung thể loại văn học. Đó không chỉ là sự hỗn dung về loại (tự sự – trữ tình – chính luận ...) ¹ mà cả về thể (văn vần – văn xuôi), rất thoáng mở tự nhiên, tưởng chừng như không thể nào có được.

3.1.2 *Thể lục bát với tính cách là phương tiện biểu đạt đa chức năng thể loại*

Việc chấp nhận thể thơ lục bát của dân tộc vượt lên chức năng của loại văn trữ tình để làm thêm chức năng tự sự, thay thế cho văn xuôi chữ Nôm, đưa thể loại truyện sáng tác bằng ngôn ngữ dân tộc tiến gần đến thể loại truyện cận – hiện đại, phản ánh chân thực hiện thực theo cách thể riêng, là một sáng tạo tình thế đáp ứng nhu cầu văn hóa Việt. Chép truyện với thể thơ bản địa, mang yêu vận, quả là thuận lợi, do khả năng gợi nhớ cao, khi truyền khẩu và do liên tục thay vận, có thể kéo dài bất tận, thành trường ca. Tuy nhiên, giới hạn của khả năng ghi nhớ và quy cách của hình thức thể thơ đã làm nên một phần cái khuôn khổ nghệ thuật của thể loại truyện thơ Nôm. Nó không thể phát triển lê thê như “chương hồi tiểu thuyết”. Thể loại truyện thơ Nôm, sau bước dò dẫm sáng tạo “trường ca sử thi” (diễn ca lịch sử, theo cách gọi truyền thống) với *Thiên Nam ngữ lục*, yếu tố tự sự đã bước đầu vận động tự thân để phù hợp với nhu cầu thẩm mỹ của cộng đồng. Nó tiến gần với khả năng diễn đạt của thể loại truyền kỳ, một thể loại có đặc trưng miêu tả linh hoạt, sống động như tân truyện (novel), truyện ngắn (novelette) cận hiện đại. Thể loại truyện thơ Nôm đã tự hình thành quy định số lượng âm tiết (ký tự thường không quá 30.000, trừ *Thiên Nam ngữ lục*) và một bố cục tròn trịa theo “ước lệ”. Đó là nét đặc trưng thuộc bản chất của thể loại truyện thơ Nôm cần được trọng thị. Nó hoàn toàn xuất phát từ sự phát triển các thành tố nội tại của thể loại truyện thơ Nôm. Mặt khác, do hoàn cảnh đặc thù của văn hóa Việt, thể thơ lục bát dễ dàng chuyển hóa trở thành một thể văn phương tiện – đa chức năng biểu đạt.

Với phương thức tiếp biến văn hóa, ở thế yếu, mang tinh thần “bất dị Trung Quốc”, **dân tộc Việt dễ dàng chấp nhận sự gạt bỏ thể lục bát của dân tộc ra khỏi phạm trù “Thi Trung Quốc”**. Và lại, ở trường hợp này có hạt nhân hợp lý của nó, thể lục bát vốn tung hoành trong các làn điệu dân ca, đang và sẽ tiếp tục sáng tạo. Nếu thể loại Thi có mang ý nghĩa tác động cho sự ổn định nề nếp phong kiến, thì thể lục bát bị loại khỏi phạm trù “Thi”, hoàn toàn không gây nên tổn hại nào cho

¹ Với những truyện như *Trình thử*, *Hoa điều tranh năng*, ... và cả *Mai đình mộng ký* ...

dân tộc, không tạo ra sự sút kém văn hóa dân tộc đối với văn hóa Trung Hoa, mà còn ngược lại.

Đây là một trong những trường hợp hiếm hoi và trễ muộn, mà dân tộc Việt đã sử dụng văn xuôi chữ Nôm đúng chức năng ngôn ngữ – văn tự cần thiết của nó. Thể lục bát, trong lịch sử văn học Việt, luôn là **một phương tiện tổ chức ngôn ngữ** để phản ánh hiện thực và biểu hiện tư tưởng – tình cảm. Với chức năng cụ thể đi kèm, thể lục bát **giữ vai trò quan trọng hình thành các thể loại văn học dân tộc Việt**. Trong tình thế ảnh hưởng sâu nặng văn hóa – văn học Trung Hoa, thể văn vần lục bát đã thay thế hợp lý và hữu hiệu vai trò làm phương tiện thể hiện của văn xuôi chữ Nôm ở nhiều thể loại. Đó chính là phản ứng tự nhiên và tất nhiên của tầng lớp bình dân và trí thức dân tộc, khi mà các tác phẩm văn hóa (lịch sử, địa chí, pháp luật, tôn giáo, ...) của dân tộc bị bó buộc phải thể hiện bằng ngôn ngữ văn tự ngoại lai. Những sáng tác bằng chữ Nôm – văn học Nôm hoặc những bản diễn Nôm các tác phẩm thuộc những thể loại nói trên có phong phú hay không, đã biểu thị mối quan tâm của quần chúng và giới lãnh đạo xã hội Việt về **những vấn đề trọng tâm nào của từng giai đoạn lịch sử**. Đó cũng là một hướng thuận lợi để tìm hiểu quá khứ. Đáng tiếc, ở phương diện này, di sản tư liệu còn tồn tại và được tập hợp khai thác chưa nhiều.

3.2. Ý NGHĨA TIỀM ẨN TRONG CẤU TẠO NHAN ĐỀ VÀ HỌ TÊN NHÂN VẬT

Xuất phát từ tình trạng tư liệu có quá nhiều tồn nghi, việc tìm hiểu thể loại truyện thơ Nôm, ưu tiên tập trung vào **các dạng thức ít có biến đổi nhất**, như nhan đề tác phẩm, tên nhân vật của truyện. Ở đó, sự thông kê - so sánh đơn giản cũng có khả năng làm bộc lộ nội dung hàm ẩn, **ít bị chi phối nhất bởi tính đa nghĩa của hình tượng nghệ thuật, được xây dựng từ ý thức sáng tạo cá nhân tác giả**.

3.2.1 Cấu tạo nhan đề truyện thơ Nôm

Trên những danh mục truyện thơ Nôm, có thể lưu tâm đến **cách chọn nhan đề của truyện**. Đây chính là **một dáng nét tồn tại của truyện trong quần chúng nhân dân, mang tính phổ biến nhất, chuẩn xác nhất**. Nhan đề truyện thơ Nôm tồn tại dưới hai dạng chính:

- Hoặc mang tên nhân vật trung tâm như: Song Tinh, Lục Vân Tiên ...

- Hoặc mang tên gọi hoàn cảnh - tình huống (không gian – địa điểm, thời gian – thời điểm – giai đoạn và diễn trình biến động xã hội), tên gọi sự thể – vật thể là hình tượng khái quát hóa nội dung chủ đề của truyện, như: *Tây sương, Nhị độ mai, Đoạn trường tân thanh, Hoa tiên ...*

Sự phân dạng có vẻ thiên về **hình thức tên gọi** truyện thơ Nôm này không nhằm tách biệt mối quan hệ về nội dung giữa hai dạng truyện. Phân dạng để có điều kiện quan tâm hơn về hiện tượng: chọn **con người là trung tâm, hay mối quan hệ xã hội là trung tâm truyện**. **Những gì thể hiện, qua cách đặt – cách gọi tên truyện thơ Nôm, luôn tiềm ẩn một thái độ văn hóa cộng đồng, khi nhận thức về cuộc sống đã được hình tượng hóa trong tác phẩm nghệ thuật**.

Bảng phân tích xếp loại tên truyện thơ Nôm dẫn đến một **chỉ số mang ý nghĩa về giá trị con người cá thể**; khi việc gọi tên có hàm ý quan tâm đến sự hiện hữu của một con người:

$$cNt : Nt +$$

Và một **chỉ số có ý nghĩa về giá trị con người xã hội**; gắn với chức năng xã hội của họ. Thậm chí, hầu như bản thân cá thể con người không tồn tại, hay chỉ tồn tại như một thành tố hoạt động xã hội:

$$cXt : Xt + \frac{xt}{2}$$

Như vậy các chỉ số rút ra từ nhan đề tồn tại của tác phẩm thể loại truyện thơ Nôm thế kỷ XVIII – XIX cũng đã bộc lộ – bộc lộ khá vô tư, không có chủ ý, giàu tính khách quan – **một thái độ sống, một quan niệm sống của cộng đồng dân tộc Việt**, chủ đạo là Việt - Kinh vào thế kỷ XVIII - XIX. Đó là nỗi khát khao đòi hỏi được xác định vị thế làm NGƯỜI của con người cá thể, nhưng cũng đồng thời khát khao được phục vụ cuộc sống, để định vị cho con người xã hội – lịch sử của mình. Nội dung được tìm hiểu này, tuy chưa hẳn là mới, nhưng nó được phát hiện từ phần tiềm thức của cộng đồng, có quan tâm đến những trăn trở của tầng lớp sĩ phu trí thức chọn lựa thái độ sống, vì “công lợi”.

- Đặc biệt, qua cách đặt – cách gọi tên tác phẩm thuộc thể loại truyện thơ Nôm, trên các danh mục, ta có thể phát hiện: ở đó có **tiềm ẩn biểu thị một thái độ sống của cộng đồng Việt thời ấy**: Đó là sự hình thành **ý thức tự khẳng định bản thân**, giàu tính nhân văn (humain, humanisme), trên cơ sở văn hóa cội nguồn nhiều huyệt hẫng, mà việc **phục sinh** (renaissance) giá trị **những thành tố văn hóa cổ đại** (vốn chỉ tồn tại trong cộng đồng các dân tộc anh em cùng cội nguồn Đông Nam Á), đã phải chuyển hóa trong cách thể tiếp biến với văn hóa ngoại lai từ phương Bắc. Đó cũng chính là sự trăn trở để hài hòa với ý thức phục vụ cho sự phát triển – kiến tạo văn hóa Việt non trẻ. Ở đây, sự thống nhất giữa hai mặt đối lập của thái độ sống, đậm nét văn hóa dân tộc Việt, dù biểu thị tiềm ẩn, vẫn được phát hiện khá rõ.

3.2.2 Ý nghĩa của họ tên nhân vật truyện thơ Nôm

Nhan đề là yếu tố ít biến đổi của thể loại truyện thơ Nôm, tồn tại bền vững nhờ cộng đồng chấp nhận, khó thay đổi ngẫu nhiên tùy tiện cá nhân. Ngược lại, tên gọi của nhân vật trong truyện thơ Nôm là do sự lựa chọn ban đầu của tác giả; dĩ nhiên, loại trừ truyện phóng tác, truyện ký lịch sử và ký sự người thật - việc thật.

Các nhà nghiên cứu văn học đã phê phán nhiều về tính ước lệ của tính cách nhân vật thể loại truyện thơ Nôm, nhưng ngay ở khâu đơn giản nhất, cách chọn tên cho nhân vật truyện, vẫn thiếu vắng một suy nghĩ tìm hiểu theo hướng tích cực. Bên cạnh cái khuynh hướng tránh né sự trùng hợp – nhất là trùng hợp với dòng họ thanh thế – để khỏi rơi vào ngộ nhận ám chỉ; thật ra, vẫn còn một ý nghĩa khách quan tích cực là: vì thế, mà truyện thơ Nôm không bị suy giảm giá trị tác động xã hội, mang tính khái quát.

Trong thế giới nghệ thuật, nhân vật chỉ mang một ký hiệu tên gọi, có thể hình thành từ một tập quán xã hội ngẫu nhiên, để tập trung biểu thị một tính cách xã hội. Cái ít quan tâm về ký hiệu tên gọi không phải không có phần nói lên cái quan tâm của tác giả đặt ở diện trọng tâm là tính cách nhân vật. Tính cách ấy có được nhìn nhận là tính cách xã hội có giá trị nghệ thuật hay không là tùy ở cộng đồng, mà tồn tại dưới dạng **ký hiệu tên gọi đơn thuần** hay đã thành **ký hiệu khái niệm**.

Nếu Trịnh Hâm, Bùi Kiệm, Cốt Đột,... là những tên gọi không hoa mỹ, thì Võ Thế Loan đâu kém thanh tao. Mã Giám Sinh, Tú bà, Hoạn Thư, Tào thị, ... chỉ là tên gọi bình thường, nếu không gắn chặt một khái niệm tính cách. Hầu như không có ước lệ đặc thù nào cho việc chọn tên nhân vật thể loại truyện thơ Nôm. Đằng sau những cái tên ấy lại là những tính cách. Những cái tên đó có trở thành ký hiệu khái niệm, được xã hội thừa nhận hay không, hoàn toàn do giá trị tự thân của tính cách mà chúng là hình thức biểu thị. Chúng đã phát triển độc lập với ý đồ sáng tạo nghệ thuật, ngoài dự định của chủ thể sáng tạo.

Nếu đã gọi tính cách “**ước lệ**”, hoàn cảnh “**ước lệ**” của truyện thơ Nôm như là nhược điểm “**ấu trĩ**” nghệ thuật thì không tránh khỏi ít nhiều mâu thuẫn với sự ca ngợi “**tính cách điển hình**” trong “**hoàn cảnh điển hình**” của lý luận phê bình văn học nghệ thuật cận – hiện đại.

3.3. DẠNG THỨC ƯỚC LỆ CỦA KẾT CẤU CỐT TRUYỆN THỂ LOẠI TRUYỆN THƠ NÔM

Dạng thức “**ước lệ**” của kết cấu thể loại truyện thơ Nôm chính là sự viên mãn tự thân của thể loại, ngay từ khi thể loại hình thành. Nó đáp ứng khát vọng “**gieo nhân gặt quả**” của cộng đồng, nên cá tính sáng tạo phải nhường bộ, chứ không phải cá tính sáng tạo lại lười nhác “**buông trôi**”. Nó là một mặt biểu hiện “**hấp lực chi phối**” của khuôn khổ nghệ thuật thể loại. Nó góp phần quan trọng việc xác lập quy mô không dài về số lượng câu chữ của thể loại truyện thơ Nôm. Nó không làm ảnh hưởng đến sự phát triển của loại văn tự sự Việt.

Khảo sát vài dạng thức ít biến đổi, và quen thuộc đến độ ít được quan tâm, trong truyện thơ Nôm (như nhan đề tác phẩm, họ tên nhân vật), thực ra cũng chỉ là một thể nghiệm tiếp cận và khai thác những “**ước lệ**” của truyện thơ Nôm. Ở đây, tập quán làm nên “**ước lệ**” được xem là một khe hở để len vào thế giới nghệ thuật thể loại truyện thơ Nôm, vốn thường xuyên khép kín bởi các biện pháp nghệ thuật. Qua “**khe hở**” nhỏ, sự phát hiện, giàu tính khách quan về vấn đề thuộc bản chất thể loại truyện thơ Nôm không hẳn là nhỏ. Nó giúp ta có thêm dữ kiện khách quan để khẳng định: tổng quan, toàn bộ tác phẩm thể loại truyện thơ Nôm đã dựng nên một thế giới nghệ thuật đầy ắp khát vọng về một cuộc sống có nề nếp ổn định hòa bình. Thế nhưng, ở đây lại thường trực diễn ra cuộc đấu tranh để điều tiết giữa hạnh phúc cá nhân và “**công lợi**” (lợi ích cộng đồng). Vấn đề phổ quát này đã là vấn đề trung tâm trong đời sống văn hóa của dân tộc Việt, ở một thời kỳ lịch sử mà thể loại truyện thơ Nôm còn khả năng khắc họa. Để từ đó, suy nghiệm về vấn đề này trong thời hiện đại!

PHẦN KẾT LUẬN

Luận án tập trung tìm hiểu ba vấn đề chủ yếu: vấn đề liên quan đến **cội nguồn diễn trình hình thành thể loại** và vấn đề **nội dung cùng phương tiện biểu đạt cơ bản của thể loại, hàm ẩn trong đa phần tác phẩm thể loại**. Đây là những vấn đề **chi phối hoạt động sáng tạo nghệ thuật**, đề hướng đến một khuôn khổ nghệ thuật nhất định của thể loại, luôn có biểu hiện ít nhiều, trên từng tác phẩm thể loại truyện thơ Nôm.

Luận án đã xem xét và phát hiện **ý nghĩa sự diễn hóa của thể thơ lục bát và loại văn tự sự** trong lịch sử văn học Việt, đã tích hợp làm nên thể loại, qua một số văn bản tiêu biểu. Thể thơ có yêu vận vốn xa lạ với văn học Trung Hoa. Từ cổ phong, cổ thể phát triển tìm đến quy định hài hòa âm điệu cận thể, thơ Đường luật tự thân đã có những đặc trưng của một thể loại, chi phối cả nội dung biểu đạt. Thế nhưng, cổ thể lẫn cận thể của thi ca Trung Quốc đều chỉ có cước vận. Trái lại, việc nghiên cứu dễ dàng tìm thấy các thể thơ có yêu vận, từ văn học của cộng đồng dân tộc anh em, những cư dân thuộc nhiều vùng phía nam lãnh thổ nước ta. Ngay từ **thể**, phương tiện biểu đạt quy định hình thức biểu đạt của thể loại truyện thơ Nôm, sự tiếp biến với văn hóa Trung Quốc của văn hóa bản địa Đông Nam Á, đã làm nên dấu ấn đặc thù văn hóa Việt-Kinh trên thể loại văn học. “**Bất tôn Trung Quốc, bất dị Trung Quốc**” vẫn là tư tưởng chủ đạo trong sự tiếp biến văn hóa của dân tộc Việt. Tìm hiểu diễn trình của **loại** văn tự sự, trong dòng chảy văn học Việt, từ buổi ban sơ đến khi tích hợp thành thể loại truyện thơ Nôm cũng là góp phần lý giải về **cội nguồn** khuôn khổ nghệ thuật của thể loại ấy. Tìm hiểu sự diễn hóa của hai thành tố cơ bản tích hợp nên thể loại truyện thơ Nôm là sự tìm hiểu **cội nguồn** quá trình hình thành thể loại.

Tiếp cận một số **đặc điểm thuộc bản chất thể loại truyện thơ Nôm**, qua những **dạng thức, kiểu thức biểu hiện nhất định**, xuất phát tự thân những vấn đề nội tại nhất định của các thành tố, yếu tố có tính lịch sử, **đã cấu thành thể loại truyện thơ Nôm**, phù hợp với nhu cầu nghệ thuật của cộng đồng. Cơ sở này đã được xác lập qua khảo sát sự diễn hóa lịch sử của các thành tố cơ bản cấu thành thể loại. Chính từ cơ sở này mà tập hợp tác phẩm truyện thơ Nôm mới

trở thành thể loại truyện thơ Nôm, với những đặc điểm chung biểu hiện – ít hoặc nhiều, lộ liễu hoặc tiềm ẩn – trên từng tác phẩm, cần được tiếp tục khảo sát. Luận án đã lý giải ý nghĩa bản chất của sự hình thành và phát triển thể loại truyện thơ Nôm, qua mối liên hệ nội tại của nội dung, chịu sự quy định của hình thức. Luận án đã mở ra hướng nghiên cứu mới, đó là việc phát hiện và nghiên cứu tính sáng tạo cộng đồng của truyện thơ Nôm nói riêng và trong văn học Việt Nam nói chung, dưới góc nhìn văn hóa. Tính sáng tạo cộng đồng của tác phẩm truyện thơ Nôm đã làm nên khuôn khổ nghệ thuật của thể loại truyện thơ Nôm. Thể loại truyện thơ Nôm có nhiều khả năng phản ánh cuộc sống dân tộc, tâm hồn dân tộc ở cấp độ cao nhất và đáng tin cậy nhất. Mấy vấn đề phát hiện về đặc trưng thể loại truyện thơ Nôm hy vọng có đóng góp đáng kể vào sự xác định bản sắc dân tộc, hiện còn không ít tranh luận. Cũng từ sự phát hiện này, hy vọng sẽ có những nghiên cứu kế tiếp về quy luật chuyển hóa văn hóa dân tộc, nhằm có sự cảnh giác đúng và đủ vì sự tha hóa văn hóa dân tộc, trước áp lực các giá trị lợi nhuận thị trường và trước thủ đoạn tinh vi của chủ nghĩa dân tộc nước lớn biến dạng.

Với thành quả của luận án, chúng tôi rất mong sớm cùng một đội ngũ chuyên môn có tâm huyết, triển khai ứng dụng vào việc sưu tầm và hiệu đính; đồng thời tổ chức giới thiệu, phổ biến ra công chúng - nhất là công chúng thế giới, là việc làm tối cần thiết trong việc kế thừa và phát huy di sản truyện thơ Nôm của dân tộc.